

Số: 21/2010/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định về một số chính sách Dân số - Kế hoạch hóa
gia đình tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XIV KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chính sách Dân số Kế hoạch hóa gia đình;

Xét tờ trình số 1225/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về một số chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 ban hành Quy định về một số chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Thay cụm từ “đình sản” bằng cụm từ “triệt sản” tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 khoản 2.

2. Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 như sau: bỏ quy định tại Nghị quyết 41/2006 “người đặt vòng tránh thai được hỗ trợ 10.000^d/người”; thay bằng quy định mới người đặt vòng tránh thai được hỗ trợ 20.000^d/người.

3. Sửa đổi điểm 2.2. khoản 2 như sau: đối với người làm công tác tuyên truyền vận động: bỏ quy định tại Nghị quyết 41/2006 “người có công vận động người khác (có xác nhận của chính quyền địa phương) thực hiện đình sản nam,

nữ được hưởng 40.000đ/1trường hợp đình sản; thực hiện đặt vòng, cây thuốc tránh thai được hưởng 4.000đ/1 trường hợp” thay bằng quy định mới: “người có công vận động người khác (có xác nhận của chính quyền địa phương) thực hiện triệt sản nam, nữ được hưởng 40.000đ/1trường hợp triệt sản; thực hiện đặt vòng, cây thuốc tránh thai được hưởng 10.000đ/1 trường hợp”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.3 khoản 2 như sau:

a) Thực hiện triệt sản tại các cơ sở y tế ở tuyến tỉnh và tuyến huyện

+ Hỗ trợ bổ sung kinh phí cho người thực hiện kỹ thuật triệt sản ngoài kinh phí hỗ trợ của Chương trình mục tiêu Quốc gia để đảm bảo tổng số kinh phí hỗ trợ của địa phương cộng với kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia bằng giá thu viện phí của đơn vị thực hiện kỹ thuật được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm thực hiện;

+ Bỏ quy định tại Nghị quyết 41/2006/NQ-HĐND “hỗ trợ cho người đi phục vụ người triệt sản 25.000đ/1người/1 trường hợp triệt sản” thay bằng quy định mới: “hỗ trợ cho người đi phục vụ người triệt sản 50.000đ/1 người/1 trường hợp triệt sản/1 đợt”;

Đối với những ca triệt sản đơn thuần (không phải triệt sản kết hợp): hỗ trợ kinh phí một lần chẩn đoán siêu âm tử cung và phần phụ/1 ca triệt sản với mức kinh phí theo giá thu viện phí của đơn vị thực hiện kỹ thuật được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm thực hiện.

Hỗ trợ chi phí ngày giường bệnh theo giá thu viện phí của đơn vị thực hiện kỹ thuật được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm thực hiện.

c) Bỏ quy định “các đơn vị y tế (đội y tế lưu động) tổ chức thực hiện đặt vòng tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 4.000đ/trường hợp đặt vòng”; thay bằng quy định mới “các đơn vị y tế - dân số (đội cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình lưu động) tổ chức đặt vòng tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 10.000đ/trường hợp đặt vòng”.

d) Đối với các ca tháo vòng khó

Hỗ trợ kinh phí một lần chẩn đoán siêu âm tử cung và ổ bụng/1 ca tháo vòng khó với mức kinh phí theo giá thu viện phí của đơn vị thực hiện kỹ thuật được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm thực hiện.

Hỗ trợ kinh phí cho người thực hiện kỹ thuật với mức kinh phí bằng giá thu viện phí của đơn vị thực hiện kỹ thuật được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm thực hiện.

5. Bãi bỏ quy định tại tiết b, Điểm 2.3, Khoản 2.

6. Thay cụm từ “hỗ trợ in ấn tập san thông tin dân số gia đình trẻ em tỉnh Cao Bằng” bằng cụm từ “hỗ trợ in ấn tập san Thông tin Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng” tại điểm 2.4, Khoản 2.

7. Thay cụm từ “Dân số, gia đình trẻ em” bằng cụm từ “Dân số - Kế hoạch hóa gia đình” tại tiết a, b, d, Khoản 3.

8. Sửa đổi tiết d, Khoản 3 như sau: ngân sách tỉnh chi trả phụ cấp hàng tháng cho công tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở thôn, bản bằng 0,1 mức lương tối thiểu.

9. Sửa đổi tiết c Khoản 3: cán bộ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình xã phường, thị trấn hưởng mức thù lao như cán bộ không chuyên trách xã.

10. Thay cụm từ “cố tình sinh con thứ 3 trở lên” bằng cụm từ “vi phạm quy định sinh 1 hoặc 2 con” tại khoản 4.

Các quy định khác không sửa đổi, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về một số chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XIV kỳ họp thứ 21 thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hà Ngọc Chiến